

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày: 26-01-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoà

2. Bà Lê Thị Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi* tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023; về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1704/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Tấn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Công T trình bày:

Giữa ông L và bà Đặng Thị Mỹ H có sự quen biết trong làm ăn, nên ngày 22/03/2023 bà H có hỏi vay của ông số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) để vợ chồng bà đầu tư nghề biển làm kinh tế gia đình, thời gian vay tiền là ba tháng, không có thỏa thuận lãi suất; ông đồng ý cho bà H vay số tiền 300.000.000 đồng, giao cho bà H tiền mặt 100.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà H 200.000.000 đồng cùng ngày 22/3/2023; ngày giao tiền cho bà H ông có viết “giấy mượn tiền” bà H đã ký nhận và ông giữ giấy này; từ khi hết thời hạn vay tiền đến nay bà H không trả tiền như thoả thuận, ông có đến nhà bà H đòi nhiều lần thì bà H và chồng là ông Trịnh Ngọc Đ hứa nhiều lần nhưng vẫn không trả tiền.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trịnh Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 10%/năm, tính từ ngày 22/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2024) là 17.833.000 đồng; tổng cộng bà H và ông Đ phải trả cho ông là 317.833.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2023 và ngày 17/11/2023 bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H trình bày: vào khoảng tháng 3/2023 âm lịch bà có vay của ông Võ Tấn L số tiền 200.000.000đồng với mục đích mua dầu đi biển, thời hạn vay thoả thuận bằng miệng là một tháng, lãi suất thoả thuận bằng miệng giữa hai bên mỗi tháng bà phải trả 18.000.000 đồng/200.000.000 đồng. Trong quá trình vay bà chưa trả tiền lãi và gốc cho ông L theo thoả thuận. Theo đơn khởi kiện ông L yêu cầu bà và chồng bà là ông Trịnh Ngọc Đ trả số tiền 300.000.000 đồng tiền vay gốc là không đúng. Sau khi xem “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/3/2023, bà H công nhận chữ ký và viết Đặng Thị Mỹ H dưới “giấy mượn tiền” là do bà ký và viết, nhưng khi ông L đưa cho bà ký giấy này thì ông L chưa ghi nội dung số tiền, sau khi bà ký thì ông L mới ghi nội dung số tiền; việc ông L đưa giấy chưa ghi nội dung số tiền để bà ký trước thì bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Số tiền mà ông L cho bà mượn thì ông L chuyển qua tài khoản của bà, bà đã sao kê ở Ngân hàng nộp toà án. Số tiền bà vay của ông L là để mua dầu cho tàu đi biển và bà cũng nói cho chồng của bà là ông Trịnh Ngọc Đ biết,

vì khi vay tiền thì ông Đ ở Đà Nẵng không ký vào “giấy mượn tiền” mà ông Đ có điện thoại cho ông L về việc mượn tiền. Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 200.000.000 đồng. Bà không có tài liệu chứng minh bà chỉ nợ ông L số tiền 200.000.000 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự cho ông Trịnh Ngọc Đ nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi Tòa án, đồng thời ông Đ cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo luật định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H, ông Đ phải trả số nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm đối với số tiền 300.000.000 đồng tính từ ngày 22/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H, cư trú tại: phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Về tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ vay gốc:

Bà H cho rằng chỉ vay của ông L số tiền 200.000.000 đồng, ông L đã chuyển khoản cho bà số tiền này vào ngày 22/3/2023. Khi vay tiền ông L có viết “Giấy mượn tiền” không ghi nội dung số tiền mượn và đưa cho bà ký, sau đó ông L ghi thêm nội dung số tiền mượn là 300.000.000đồng. Ông L cho rằng ngày 22/3/2023 ông giao cho bà H 100.000.000đồng tiền mặt và chuyển khoản cho bà H 200.000.000đồng; sau khi giao tiền và chuyển khoản cho bà H tổng cộng là 300.000.000đồng thì ông đến tại nhà bà H viết “giấy mượn tiền” với nội dung bà H mượn của ông số tiền 300.000.000đồng, thời hạn mượn là 3 tháng, bà H đọc và ký vào “giấy mượn tiền”

Xét trình bày của nguyên đơn và bị đơn nêu trên thấy rằng: Theo “giấy mượn tiền” ghi ngày 22/3/2023 do ông Võ Tấn L giao nộp có nội dung: bà Đặng Thị Mỹ H mượn của ông Võ Tấn L số tiền 300.000.000đồng; hai bên không thỏa thuận lãi; thỏa thuận thời hạn mượn là 3 tháng. Bà H không có chứng cứ chứng minh vay của ông L 200.000.000đồng và cũng không có chứng cứ chứng minh ông L viết “Giấy mượn tiền” không ghi nội dung số tiền mượn và đưa cho bà ký, sau đó ông L ghi thêm nội dung số tiền mượn là 300.000.000 đồng. Bà H thừa nhận đã ký, viết họ tên của bà tại mục người mượn tiền trong “giấy mượn tiền”. Do đó trình bày của bà Đặng Thị Mỹ H không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Như đã phân tích trên có cơ sở xác định: Bà Đặng Thị Mỹ H và ông Võ Tấn L đã xác lập hợp đồng vay tài sản không có lãi và có thời hạn; theo hợp đồng thì ông L cho bà H vay số tiền 300.000.000đồng và thời hạn là 3 tháng kể từ ngày 22/3/2023. Bà H thừa nhận vay tiền của ông L sử dụng mục đích đầu tư nghề cá làm kinh tế gia đình, việc bà H vay tiền thì ông Trịnh Ngọc Đ chồng của bà H cũng biết nhưng đến nay bà H, ông Đ chưa trả cho ông L khoản tiền nào. Như vậy bà H, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Võ Tấn L khởi kiện buộc vợ chồng bà H, ông Đ trả nợ gốc 300.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Bà Đặng Thị Mỹ H và ông Võ Tấn L đã xác lập hợp đồng vay tài sản không có lãi và có thời hạn; theo hợp đồng thì ông L cho bà H vay số tiền 300.000.000đồng, thời hạn là 3 tháng kể từ ngày 22/3/2023. Như vậy đến ngày 22/6/2023 là hết thời vay nhưng bà H không trả nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận nên phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 300.000.000đồng theo quy định của Bộ luật dân sự; do đó ông L yêu cầu bà H và ông Đ trả lãi chậm trả đối với số tiền 300.000.000đồng kể từ ngày 22/6/2023 đến nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên có cơ sở buộc bà H, ông Đ phải có nghĩa vụ trả lãi cho ông L do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 300.000.000đồng tính từ ngày 22/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2024) là: 17.833.000 đồng [(300.000.000 đồng x 10%/năm) x (7 tháng 4 ngày)]

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trịnh Ngọc Đ phải chịu 15.891.650 đồng (làm tròn 15.891.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Võ Tấn L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228; các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tấn L. Buộc bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trịnh Ngọc Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Tấn L số tiền vay gốc 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 17.833.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải thi hành thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trịnh Ngọc Đ phải chịu 15.891.000 (mười lăm triệu, tám trăm chín mươi một nghìn đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Tấn L 7.750.000đồng (bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001162 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Trung